

Thực trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam

NGUYỄN THỊ DUNG*
NGUYỄN QUANG HÀ**
MAI LAN PHƯƠNG***

Tóm tắt

Trên cơ sở số liệu của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2005-2015, bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả trong phân tích thực trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Kết quả cho thấy, diện tích đất sản xuất nông nghiệp có xu hướng tăng trong giai đoạn 2005-2015. Trong đó, diện tích đất các vùng trong cả nước có sự thay đổi, diện tích đất lúa có xu hướng thu hẹp chuyển sang diện tích đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm. Đồng thời, qua các chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc nội trong nông nghiệp, năng suất, cũng như giá trị thu thêm/1ha đất trồng trọt cho thấy, hiệu quả sử dụng đất có xu hướng tăng, nhưng chưa cao so với tiềm năng đất vốn có. Từ đó, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho đối tượng sử dụng đất và ổn định kinh tế, chính trị và xã hội.

Từ khóa: đất sản xuất nông nghiệp, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, Việt Nam

Summary

On the basis of using data source of General Statistics Office in the period from 2000 to 2015, the paper uses descriptive statistics method to analyse the agricultural productive land use reality in Vietnam. The result shows that the agricultural productive land area tends to increase in the period from 2005 to 2015. The area of the whole country has changed, the area of rice tended to be reduced and be moved to the area of annual and perennial trees. Through the agricultural GDP, productivity, extra income per hecta of arable land index shows that land usage efficiency tended to increase but it was not as high as its potential. Thence, the article provides some solutions to improve the efficiency of agricultural productive land usage in order to contribute to higher income for agricultural land users and to stabilize economy, politic and society.

Key words: agricultural productive land, agricultural productive land usage, Vietnam

GIỚI THIỆU

Trên thế giới, cũng như tại Việt Nam, đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu, đặc biệt không thể thay thế được trong sản xuất nông nghiệp. Việc quản lý và sử dụng đất đai tốt sẽ góp phần tăng thu nhập, ổn định kinh tế chính trị và xã hội.

Mặc dù, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước thông qua các chính sách đất đai, song đất sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam vẫn đang trong tình trạng phân bố không đồng đều giữa các vùng. Bên cạnh đó, vấn đề quản lý, sử dụng đất đai đang bộc lộ nhiều hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội, như: diện tích đất ngày càng thu hẹp, quản lý sử dụng kém

hiệu quả, mất đất canh tác... (Huy Thông, 2015). Chính vì vậy, việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp nhằm cải thiện sinh kế, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn là hết sức cần thiết.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khái niệm

Đất sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm (Tổng cục Thống kê, 2016). Theo Huỳnh Thanh Huyền (2015), sử dụng đất

* , **, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

*** Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Ngày nhận bài: 20/06/2018; Ngày phản biện: 10/07/2018; Ngày duyệt đăng: 23/07/2018

**BẢNG 1: ĐẤT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
VÀ ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG GIAI ĐOẠN 2005-2015
(TÍNH ĐẾN 31/12 HÀNG NĂM)**

Chỉ tiêu	2005		2010		2015	
	Diện tích (nghìn ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (nghìn ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (nghìn ha)	Tỷ lệ (%)
I. Đất nông nghiệp phân theo mục đích sử dụng	24.583,8	100,00	26.226,4	100,00	27.302,2	100,00
1. Đất sản xuất nông nghiệp	9.412,2	38,29	10.126,1	38,61	11.530,2	42,23
2. Đất lâm nghiệp	14.437,3	58,73	15.366,5	58,59	14.923,6	54,66
3. Đất nuôi trồng thủy sản	701,6	2,85	689,8	2,63	797,7	2,92
4. Đất làm muối	14,1	0,06	17,9	0,07	17,5	0,06
5. Đất nông nghiệp khác	18,6	0,08	26,1	0,10	33,2	0,12
II. Đất nông nghiệp phân theo đối tượng sử dụng và quản lý	24.583,8	100,00	26.226,4	100,00	27.302,2	100,00
1. Đất giao cho đối tượng sử dụng	21.219,1	86,31	22.812,6	86,98	24.446,2	89,54
2. Đất giao cho đối tượng quản lý	3.364,7	13,69	3.413,8	13,02	2.856	10,46

Nguồn: Tổng cục Thống kê

sản xuất nông nghiệp là các hoạt động sản xuất nông nghiệp tạo ra các loại hình đất sản xuất nông nghiệp.

Vai trò của sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu, đặc biệt không thể thay thế được trong sản xuất nông nghiệp. Năng suất cây trồng, vật nuôi phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng đất đai. Việc quản lý và sử dụng đất đai tốt góp phần tăng thu nhập, ổn định kinh tế, chính trị và xã hội. Chính sách đất đai trong nông nghiệp đúng sẽ có tác dụng quyết định sự thành công của các chính sách kinh tế khác. Từ đó, người sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cần phải bảo vệ và quản lý đất đai theo đúng luật (Phạm Văn Đình và cộng sự, 1997).

Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở sử dụng số liệu của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2005-2015, bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả trong phân tích thực trạng sử dụng đất nông nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu, như: tổng sản phẩm quốc nội, năng suất, cũng như giá trị thu thêm/1ha đất trồng trọt được sử dụng trong đánh giá hiệu quả sử dụng đất.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tình hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp Việt Nam

Kết quả thống kê ở Bảng 1 cho thấy, tổng diện tích đất nông nghiệp Việt Nam có xu hướng tăng trong giai đoạn 2005-2015. Đất sản xuất nông nghiệp trong số đất nông nghiệp phân theo mục đích sử dụng có xu hướng tăng bình quân giai đoạn 2015-2005 là 10,68%, cơ cấu đất này chiếm tỷ lệ 38,29% năm 2005, đến năm 2015 tăng chiếm tỷ lệ 42,23%. Nguyên nhân diện tích đất sản xuất nông nghiệp tăng là do tổng diện tích đất nông nghiệp tăng, thêm vào đó là sự chuyển dịch cơ cấu đất nông nghiệp. Mặc dù, diện tích đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác trong đất nông nghiệp cũng có sự biến động tăng trong giai đoạn này, nhưng sự biến động này không đáng kể.

Trong tổng diện tích đất nông nghiệp giao cho đối tượng sử dụng và quản lý, thì đất giao cho đối tượng sử dụng chiếm tỷ lệ khá cao trên 80% và có xu hướng tăng qua các giai đoạn: 2005-2010 tăng 7,51%; 2010-2015 tăng 7,16%; bình quân giai đoạn 2005-2015 tăng 7,3%. Sở dĩ diện tích đất này tăng là do tổng diện tích đất

nông nghiệp có xu hướng tăng của các năm. Bên cạnh đó là do diện tích đất giao cho đối tượng quản lý chuyển sang đất giao cho đối tượng sử dụng.

Đất nông nghiệp Việt Nam tăng trong giai đoạn 2005-2015. Trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất giao cho đối tượng sử dụng trong đất nông nghiệp có xu hướng tăng. Đất sản xuất nông nghiệp được chia thành hai loại: đất sản xuất nông nghiệp giao cho đối tượng sử dụng và đất sản xuất nông nghiệp phân theo vùng kinh tế.

Bên cạnh đó, đất trồng cây hàng năm trong diện tích đất sản xuất nông nghiệp giao cho đối tượng sử dụng chủ yếu có xu hướng giảm, năm 2005 chiếm tỷ lệ 67,37% diện tích đất nông nghiệp, nhưng đến năm 2015 giảm xuống còn 60,76%. Trong tổng số diện tích đất trồng cây lâu năm, thì diện tích đất lúa có xu hướng chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác và diện tích đất trồng cây lâu năm. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giai đoạn 2005-2015 tăng 718,8 nghìn héc - ta, năm 2005 chiếm 33,64% diện tích đất trồng cây hàng năm, năm 2015 chiếm 40,64% đất trồng cây hàng năm. Đất trồng cây lâu năm trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp có xu hướng tăng đáng kể giai đoạn 2005-2015 tăng 1.438,1 nghìn héc-ta bình quân giai đoạn này tăng 21,43%.

Đất sản xuất nông nghiệp giữa các vùng kinh tế khác nhau có sự biến động không giống nhau. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng tăng. Chỉ riêng diện tích đất nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ có xu hướng giảm. Nguyên nhân tăng là do sự chuyển dịch cơ cấu đất lâm nghiệp, đất chưa sử dụng sang đất sản xuất nông nghiệp.

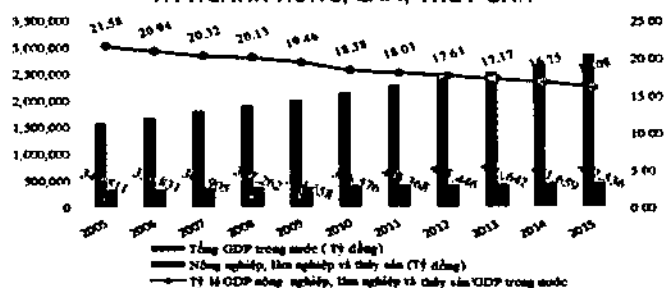
Có thể nói, đất sản xuất nông nghiệp có xu hướng tăng trong giai đoạn 2005-2015. Trong đó, diện tích giao cho đối tượng sử dụng chiếm tỷ lệ đáng kể. Diện tích đất này chủ yếu do các hộ gia đình, cá nhân sử dụng và dùng vào sản xuất cây hàng năm là chính.

BẢNG 2: ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GIAO ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG VÀ PHÂN THEO VÙNG KINH TẾ

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2015	
	Diện tích (nghìn ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (nghìn ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (nghìn ha)	Tỷ lệ (%)
I. Đất sản xuất nông nghiệp giao cho đối tượng sử dụng	9.288	100,00	10.006,9	100,00	11.435,5	100,00
1. Đất trồng cây hàng năm	6.257,3	67,37	6.384,7	63,80	6.948,7	60,76
+ Đất trồng lúa	4.127,5	65,96	4.106,8	64,32	4.125	59,36
+ Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	24,9	0,40	33,0	0,52	0	0,00
+ Đất trồng cây hàng năm khác	2.104,9	33,64	2.244,9	35,16	2.823,7	40,64
2. Đất trồng cây lâu năm	3.030,7	32,63	3.622,2	36,20	4.468,8	39,08
II. Đất sản xuất nông nghiệp phân theo vùng	9.412,2	100,00	10.126,1	100,00	11.530,2	100,00
1. Đồng bằng sông Hồng	760,3	8,08	779,8	7,70	799	6,93
2. Trung du và miền núi phía Bắc	1.478,3	15,71	1.570,6	15,51	2.116,7	18,36
3. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1.388,7	14,5	1.851,7	18,29	2.205,5	19,13
4. Tây Nguyên	1.597,1	16,97	1.952,8	19,28	2.420,6	20,99
5. Đông Nam Bộ	1.611,9	17,13	1.354,7	13,38	1.363,4	11,82
6. Đồng bằng sông Cửu Long	2.575,9	27,37	2.616,5	25,84	2.623,6	22,75

Nguồn: Tổng cục Thống kê

BIỂU ĐỒ 1: TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI TRONG NƯỚC VÀ NGÀNH NÔNG, LÂM, THỦY SẢN



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Phần lớn quy mô diện tích đất này nhỏ, manh mún diện tích đất bình quân hộ nông nghiệp chỉ vào khoảng 0,46ha (Trần Ngọc, 2017). Cùng với đó là do đặc thù về điều kiện tự nhiên của mỗi vùng. Bởi, theo Luật Đất đai năm 2013, việc giới hạn mức hạn điền đối với mỗi vùng được quy định như sau:

- Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau: Không quá 03ha cho mỗi loại đất khu vực Đông Nam Bộ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; Không quá 02ha cho mỗi loại đất ở vùng khác.

- Đối với đất trồng cây lâu năm hạn mức giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10ha đối với vùng đồng bằng; không quá 30ha đối với vùng Trung du, miền núi.

Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp Việt Nam

Với tình hình sử dụng nói trên, thì hiệu quả kinh tế sử dụng đất ra sao? Để trả lời câu hỏi này, bài viết sử dụng một số chỉ tiêu: tổng sản phẩm quốc nội (GDP), năng suất một số cây trồng chính hàng năm và giá trị thu thêm/ha trồng trọt (Klaus Mathis, 2009).

Biểu đồ 1 cho thấy, GDP, cũng như giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng tăng.

nhưng tỷ trọng giá trị sản xuất các ngành này lại có xu hướng giảm trong giai đoạn 2005-2015. Mặc dù diện tích đất tăng, nhưng tỷ lệ giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm. Điều này là do chính sách ưu tiên, tạo điều kiện cho công nghiệp phát triển, từ đó dẫn tới giá trị sản xuất công nghiệp tăng lên.

Cùng với sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, manh mún là yếu tố cản trở việc ứng dụng máy móc lớn vào sản xuất và hạn chế phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Thêm vào đó là thói quen sản xuất truyền thống, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất của các đối tượng sử dụng đất còn hạn chế.

Để xét lý do GDP ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng, nghiên cứu xét năng suất một số cây trồng chính, như: lúa, ngô, mía, bông, lạc, đậu tương. Kết quả thống kê Bảng 3 cho thấy, giai đoạn 2005-2015, năng suất các loại cây trồng lúa, ngô, mía có xu hướng tăng, nhưng dường như tăng không đáng kể. Năng suất bông có xu hướng ngày càng giảm mạnh, năng suất lạc và đậu tương có xu hướng tăng giảm không ổn định.

Năng suất cây trồng là một trong các yếu tố ảnh hưởng lớn đến tổng sản phẩm quốc nội trong nông nghiệp. Bảng 3 cho thấy, năng suất một số cây trồng chính có xu hướng tăng, nhưng không nhiều so với tiềm năng đất sản xuất nông nghiệp vốn có.

Trong giai đoạn 2005-2015, do năng suất cây trồng tăng làm cho giá trị thu thêm/ha trồng trọt có xu hướng tăng năm 2005 giá trị thu thêm đạt 23,6 triệu đồng, năm 2010 tăng lên 131,36% so với năm 2005 đạt 54,6 triệu đồng, đến năm 2015 đạt 82,6 triệu đồng tăng lên 250% so với năm 2005 (Biểu đồ 2).

Kết quả trên cho thấy, giá trị thu thêm/ha trồng trọt tăng, nhưng ngày càng chậm hơn, cùng với năng suất tăng chậm của một số cây trồng chính dẫn đến GDP trong nông nghiệp có xu hướng tăng, song tăng không đáng kể. Điều này đồng nghĩa rằng, hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp chưa cao.

Qua xem xét thực trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2005-2015 cho thấy, đất sản xuất nông nghiệp có xu hướng biến động theo chiều hướng tăng, nguyên nhân tăng là do sự chuyển dịch diện tích đất chưa sử dụng đến chuyển sang. Bên cạnh đó, diện

tích đất trồng cây hàng năm và diện tích đất trồng cây lâu năm có xu hướng tăng. Để đáp ứng yêu cầu của thị trường về các sản phẩm nông nghiệp diện tích đất lúa hàng năm có xu hướng dịch chuyển sang diện tích đất hàng năm khác và diện tích đất trồng cây lâu năm.

Ngược với sự tăng lên về diện tích, thì năng suất một số cây trồng chính, giá trị thu thêm/1ha trồng trọt, cũng như giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng chậm làm cho hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp thấp. Nguyên nhân chính là do đất nông nghiệp giao cho đối tượng sử dụng chủ yếu là các hộ gia đình, cá nhân với quy mô nhỏ, manh mún, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế, sản xuất nông nghiệp chủ yếu theo thói quen truyền thống, tự phát và trào lưu, sản xuất hàng hóa lớn còn chưa nhiều, sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng bởi điều kiện tự nhiên.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

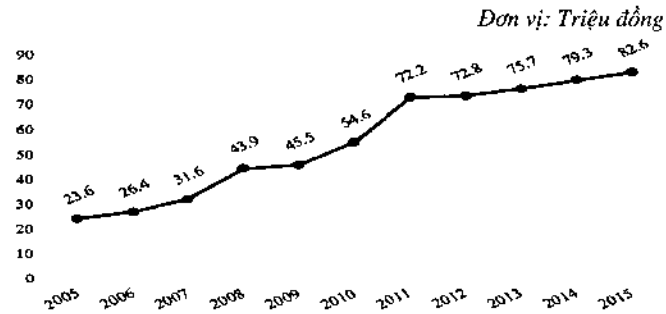
Trên cơ sở phân tích thực trạng cho thấy, diện tích đất sản xuất nông nghiệp biến động theo xu hướng tăng trong giai đoạn 2005-2015. Trong đó, diện tích đất các vùng trong cả nước có sự thay đổi, diện tích đất lúa có xu hướng thu hẹp chuyển sang diện tích đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm. Qua đánh giá các chỉ tiêu GDP trong nông nghiệp, năng suất, cũng như giá trị thu thêm/1ha đất trồng trọt cho thấy, hiệu quả sử dụng đất có xu hướng tăng, nhưng chưa cao so với tiềm năng đất vốn có.

Trên cơ sở đó, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam, thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

BẢNG 3: NĂNG SUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH (Tạ/ha)

Năm	Lúa	Ngô	Mía	Bông	Lạc	Đậu tương
2005	48,9	36,0	561,3	13,0	18,1	14,3
2006	48,9	37,3	580,3	13,7	18,7	13,9
2007	49,9	39,3	592,9	13,3	20,0	14,7
2008	52,3	40,1	596,4	13,8	20,8	13,9
2009	52,4	40,1	587,7	12,6	20,9	14,6
2010	53,4	41,1	600,6	13,7	21,1	15,1
2011	55,4	43,1	621,5	12,9	20,9	14,7
2012	56,4	43,0	629,9	12,8	21,4	14,5
2013	55,7	44,4	648,5	10,7	22,7	14,4
2014	57,5	44,1	649,9	10,4	21,7	14,3
2015	57,6	45,4	644,9	8,1	22,7	14,5

BIỂU ĐỒ 2: GIÁ TRỊ THU THÊM/HA TRỒNG TRỌT



Đơn vị: Triệu đồng
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Một là, Nhà nước cần quy hoạch xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất nông sản đặc thù trong từng vùng bằng cách bắt buộc những người sản xuất chỉ sử dụng một loại cây trồng phù hợp với điều kiện địa phương, từ đó tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa lớn. Đồng thời, tạo hành lang pháp lý thuận lợi, khuyến khích các hộ gia đình, cũng như doanh nghiệp liên kết bền vững trong việc tiêu thụ sản phẩm đầu ra; khuyến khích cho vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất nông nghiệp.

Hai là, đối với đối tượng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, cần tận dụng chính sách của Nhà nước trong hợp tác, nhằm phát triển theo hướng quy mô sản xuất hàng hóa lớn. Ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đưa máy móc vào sản xuất. Tuy nhiên, cần sản xuất những sản phẩm phù hợp với lợi thế của vùng bằng cách chuyển các loại cây trồng phi hiệu quả sang cây trồng có hiệu quả cao mang đặc trưng của vùng. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội (2013). Luật Đất đai, số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013
- Tổng cục Thống kê (2006-2016). Niên giám Thống kê từ năm 2005 đến 2015, Nxb Thống kê, Hà Nội
- Phạm Văn Đình và cộng sự (1997). Giáo trình Kinh tế nông nghiệp, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội
- Huỳnh Thanh Huyền (2015). Bài giảng Đánh giá đất đai, Trường Đại học Nông Lâm, TP. Hồ Chí Minh
- Huy Thông (2015). Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại Việt Nam còn thấp, truy cập từ <http://mntn.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1098/36380/hieu-qua-su-dung-dat-nong-nghiep-tai-viet-nam-con-thap>
- Trần Ngọc (2017). Đất đai manh mún - Lực cản đầu tư dài hạn vào nông nghiệp, truy cập từ <http://vov.vn/kinh-te/dat-dai-manh-mun-luc-can-dau-tu-dai-han-vao-nong-nghiep-613756.vov>
- Klaus Mathis (2009). Efficiency instead of justice? Searching for the philosophical foundations of the economic analysis of law